TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:288/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-11-2019
V/v tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn và đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tâm;

2. Ông Ngô Văn Mừng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn và đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 564/2019/QĐXX-ST ngày 22 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim N, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: số 281A, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn An L, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Trần Thị V, sinh năm 1944; địa chỉ cư trú: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; Vắng mặt;

3.2 Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1930; địa chỉ cư trú: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; Vắng mặt;

3.3 Bà Trần Thị P, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Có văn bản xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn Phạm Thị Kim N trình bày: Bà và ông Nguyễn An L cưới nhau vào năm 2017 trong quá trình chung sống vợ chồng hay mâu thuẫn không cuộc sống không hạnh phúc nên ngày 14/01/2019 bà và ông L ly hôn theo quyết định số 19/2019/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới. Trong quyết định bà và ông L chưa giải quyết vấn đề tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận. Lúc vợ chồng cưới nhau cha mẹ bên chồng có cho 3 lượng vàng 24Kara loại 9999 và 01 đôi bông hột xoàn trị giá khoảng 49.000.000đồng. Do vợ chồng không thỏa thuận được nên bà yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Trong quá trình Tòa án giải quyết ông L cho rằng số vàng cưới và đôi bông hột xoàn hiện nay mẹ chồng là bà Trần Thị V đang giữ và bà V cũng thừa nhận hiện nay có giữ 3 lượng vàng 24Kara loại 9999 và 01 đôi bông hột xoàn. Nay bà N yêu cầu bà Trần Thị V trả lại 3 lượng vàng 24Kara loại 9999 và 01 đôi bông hột xoàn để phân chia tài sản sau khi ly hôn với yêu cầu chia đôi số vàng cưới 03 lượng vàng 24Kara loại 9999 và 01 đôi bông hột xoàn.

Bị đơn ông Nguyễn An L trình bày: Thừa nhận lúc cưới nhau cha mẹ có cho là 03 lượng vàng 24Kara loại 9999 và đôi bông hột xoàn. Sau này mẹ bà N tên Trần Thị P, sinh năm 1968; cư trú: Ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp tự ý trả lại số vàng cưới và 01 đôi bông hột xoàn nhưng ông không xác định được giá trị bao nhiêu. Số vàng cưới và 01 đôi bông hột xoàn hiện nay mẹ ruột ông là bà Trần Thị V, sinh năm 1944 đang giữ và đã tiêu xài hiện nay ông không biết còn lại bao nhiêu. Nay bà N yêu cầu chia số tài sản trên ông đồng ý chia cho bà Ngân 15 chỉ vàng 24Kara loại 9999 nhưng ông sẽ giao cho bà N trong 3 lần từ nay đến tết nguyên đán, còn đôi bông hột xoàn thì khoảng tháng 02 năm 2020 thì ông sẽ chi lại cho bà N.

Ông Nguyễn Văn H không gửi ý kiến cho Tòa án và vắng mặt.

Bà Trần Thị V trình bày: thừa nhận có giữ 03 cây vàng cưới 24Kara loại 9999 và 01 đôi bông hột xoàn. Hiện tại đã sử dụng trả nợ hết 01 cây vàng, tiêu xài hết 01 cây vàng; còn đang giữ 01 cây vàng cưới và 01 đôi bông.

Bà Trần Thị P trình bày: Năm 2018 bà có đến nhà gia đình bà V để trình bày số vàng cưới 03 cây vàng 24Kara loại 9999 và 01 đôi bông hột xoàn trị giá 49.000.000đồng trị giá 49.000.000đồng. Sau đó, ông Lạc cất giữ số vàng và đôi bông hột xoàn; xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Phạm Thị Kim N khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn với ông Nguyễn An L. Ông L có nơi cư trú ấp A, xã H, huyện

C, tỉnh An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền;

[1.2] Theo các văn bản tố tụng Tòa án đã thụ lý, giải quyết vụ án dân sự "Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn", tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị V trả lại 3 lượng vàng 24Kara loại 9999 và 01 đôi bông hột xoàn để phân chia tài sản sau khi ly hôn nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp giải quyết trong vụ án là "Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn và đòi tài sản";

[1.3] Ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị V đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; bà Trần Thị P có văn bản xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Phạm Thị Kim N yêu cầu ông Nguyễn An L chia tài sản là vàng cưới cha mẹ bên chồng có cho là 03 lượng vàng 24Kara loại 9999 và 01 đôi bông hột xoàn; Ông L cho rằng số vàng cưới và đôi bông hột xoàn hiện nay mẹ ông là bà Trần Thị V đang giữ và bà V cũng thừa nhận hiện nay có giữ 03 lượng vàng 24Kara loại 9999 và 01 đôi bông hột xoàn. Dựa vào tình tiết đương sự thừa nhận, căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự đã có cơ sở xác định số tài sản 03 lượng vàng 24Kara loại 9999 và 01 đôi bông hột xoàn là tài sản của bà Phạm Thị Kim N và ông Nguyễn An L có được do cha mẹ cho trong ngày cưới.

[2.2] Theo đơn kiện, bà N ước lượng giá trị đôi bông hột xoàn có giá trị khoảng 49.000.000đồng; trong quá trình quyết vụ án và tại phiên tòa, bà N và ông L thống nhất một đôi bông hột xoàn trị giá 26.413.000đồng theo hóa đơn bán hàng ngày 16 tháng 10 năm 2017. Hội đồng xét xử căn cứ vào sự thỏa thuận đương sự phù hợp với chứng cứ là hóa đơn nên xác định 01 đôi bông hột xoàn đang tranh chấp trị giá 26.413.000đồng.

[2.3] Bà Phạm Thị Kim N khởi kiện yêu cầu chia đôi số tài sản là 03 lượng vàng 24Kara loại 9999 và 01 đôi bông hột xoàn; ông L đồng ý chia cho bà N 15 chỉ vàng 24Kara loại 9999 nhưng ông sẽ giao cho bà N trong 3 lần từ nay đến tết nguyên đán, còn đôi bông hột xoàn thì khoảng tháng 02 năm 2020 thì ông sẽ chi lại cho bà N; bà N không đồng ý. Hội đồng xét xử thấy rằng, bà N và ông L đồng ý chia đôi số tài sản mỗi người được hưởng một nữa. Đây là sự thỏa thuận của các đương sự phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình nên được chấp nhận. Tuy nhiên, số tài sản do bà Trần Thị V đang giữ nên căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự cần buộc bà V giao trả bà N và ông L mỗi người được hưởng một nữa.

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà V là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 166 Bộ luật Dân sự;

Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Phạm Thị Kim N.

1) Buộc bà Trần Thị có nghĩa vụ giao trả cho bà Phạm Thị Kim N 15 (Mười lăm) chỉ vàng 24Kara loại 9999 và trị giá đôi bông hột xoàn thành tiền là 13.206.500đồng (Bằng chữ: Mười ba triệu hai trăm lẽ sáu nghìn năm trăm đồng);

2) Buộc bà Trần Thị V có nghĩa vụ giao trả cho ông Nguyễn An L 15 (Mười lăm) chỉ vàng 24Kara loại 9999 và trị giá đôi bông hột xoàn thành tiền là 13.206.500đồng (Bằng chữ: Mười ba triệu hai trăm lẽ sáu nghìn năm trăm đồng);

3) Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

Bà Trần Thị V không phải chịu án phí;

Bà Phạm Thị Kim N phải chịu án phí sơ thẩm là 3.660.000đồng (Bằng chữ: Ba triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí đã nộp 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0013432 ngày 06/8/2019 và 2.725.000đồng (Bằng chữ: Hai triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012559 ngày 11/02/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà Phạm Thị Kim N phải nộp thêm 635.000đồng (Bằng chữ: Sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng);

Ông Nguyễn An L phải chịu án phí sơ thẩm là 3.660.000đồng (Bằng chữ: Ba triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Hùng

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.